

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 3479/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đặng Thị Thanh Tâm
- Bà Đinh Thị Diễm Kiều

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 2716/2023/TLST-HNGĐ ngày 07/11/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3950/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/06/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4998/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04/7/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1973

Địa chỉ: số A đường M, khu phố E, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Q, sinh năm 1972

Địa chỉ: số A đường M, khu phố E, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Đức H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức H và bà Trần Thị Q tự nguyện kết hôn vào năm 1998, có tổ chức hỏi cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh theo giấy chứng nhận kết hôn số 75 ngày

15/07/1998. Do giấy chứng nhận kết hôn bản chính đã bị thất lạc nên ông chỉ có thể nộp cho Tòa án trích lục kết hôn số 168/TLKH-BS ngày 26/6/2023.

Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc do tính cách bà Q không biết lắng nghe nên rất khó dung hòa. Vợ chồng thường xuyên bất hòa, thiếu sự quan tâm chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau nên không gắn bó tình cảm. Mặc dù đời sống hôn nhân không hạnh phúc nhưng vì thương con nên ông H chấp nhận cùng sống chờ con trưởng thành. Từ năm 2023 đến nay vợ chồng sống ly thân và ông H đã tách ra sống riêng. Do mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống độc lập thời gian dài nên ông H yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với bà Trần Thị Q

- Về con chung: Ông H và bà Q có 02 con chung tên Nguyễn Trần Minh A, sinh ngày 05/02/1999 và Nguyễn Đức H1, sinh ngày 19/10/2004 (đều trên 18 tuổi).

- Về tài sản chung: Ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông H xác định không có.

Bị đơn bà Trần Thị Q: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập bà Q đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Q vắng mặt, nên không tiến hành hòa giải được và không ghi nhận được ý kiến của bà Q.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu, ý kiến đã trình bày; Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, vẫn còn vi phạm Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Đức H được ly hôn bà Trần Thị Q; con chung của ông H, bà Q nay đều trên 18 tuổi nên không giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà Trần Thị Q cư trú tại địa chỉ số A đường M, khu phố E, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, nên thẩm quyền giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức; được pháp luật quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện; ông Nguyễn Đức H yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị Q, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị Q: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh về tình trạng cư trú và tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đối với bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt. Xét thấy bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa ngày 04/7/2024 nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tiếp tục triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.4]. Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Đức H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Trích lục kết hôn số 168/TLKH-BS ngày 26/6/2023 của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Đức H và bà Trần Thị Q là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của ông H xin được ly hôn là có căn cứ, bởi lẽ tình cảm của vợ chồng được xây dựng bởi tình yêu chân chính. Trong cuộc sống, vợ chồng phải chăm sóc và thương yêu lẫn nhau, nhưng thực tế cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu sống chung cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên đương sự. Ông H xác định giữa hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau và hiện nay sống ly thân nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà Q. Bên cạnh đó bà Q đã được Tòa án triệu tập đến Tòa để hòa giải vợ chồng đoàn tụ nhưng bà Q không đến đã thể hiện tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, Hội đồng xét xử

có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H được ly hôn với bà Trần Thị Q theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Căn cứ lời khai của ông H phù hợp với bản sao giấy khai sinh ngày 26/12/1999 và bản sao giấy khai sinh số 123 ngày 01/12/2004 của Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh, đủ căn cứ xác định ông H và bà Q có hai con chung tên Nguyễn Trần Minh A, sinh ngày 05/02/1999 và Nguyễn Đức H1, sinh ngày 19/10/2004. Các con của ông H, bà Q đến nay đều đã trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông H khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng ông H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đức H:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức H được ly hôn bà Trần Thị Q.

(Theo Trích lục kết hôn số 168/TLKH-BS ngày 26/6/2023 của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh).

1.2. Về con chung: Hai con chung tên Nguyễn Trần Minh A, sinh ngày 05/02/1999 và Nguyễn Đức H1, sinh ngày 19/10/2004 (đều trên 18 tuổi).

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng ông Nguyễn Đức H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2023/0000448 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15

ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP . HCM;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- CC THADS Tp . Thủ Đức;
- Các đương sự;
- UBND phường T,
thành phố H;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Lưu